

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ, Ông Dương Viết Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đưa ra xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Đình P, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Tôi với anh Dương Đình P, có tìm hiểu nhau một thời thì đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Đ, ngày 20/12/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng tình cảm vợ hòa thuận và hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống thường xuyên cãi vã nhau, đánh nhau tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được, vợ chồng sống ly thân nhau một thời gian dài. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương Đình P. Về con chung: Có 01 con là Dương Hải Đ, sinh ngày 08/7/2022, chị T đề nghị được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Dương Đình P trình bày: Theo nội dung việc đăng ký kết hôn tự nguyện mà chị T vừa trình bày là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Khoảng tháng 01 năm 2023, vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn có cãi vã nhau nhưng tôi thấy không đến mức độ vợ tôi phải làm đơn ly hôn, tôi mong muốn vợ chồng sống đoàn tụ gia đình. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tôi mong muốn đoàn tụ. Về con chung: Có 01 con là Dương Hải Đ, sinh ngày 08/7/2022, cháu Đ hiện nay được khoảng 10 tháng tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Song chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn của mình, cho rằng vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Anh P thì không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con nhỏ. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn vì vợ chồng sống mâu thuẫn tình cảm và đã ly thân nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay và đề nghị được nuôi con, yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, nghề nghiệp chị làm công nhân thu nhập trung bình là 10 triệu đồng/tháng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Anh P vẫn không đồng ý ly hôn với chị T, nếu phải ly hôn thì anh P đề nghị được nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, về nghề

nghiệp hiện nay anh làm công nhân thu nhập trung bình là 14 đến 15 triệu đồng/tháng, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Trương Thị Thủy và anh Dương Đình P kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, TP.P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P có địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận định: Theo lời trình bày của chị T về phát sinh mâu thuẫn, là do bất đồng về quan điểm sống thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến xô xát đánh nhau tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, còn anh P mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung, nhưng anh P không có biện pháp gì để giải quyết được mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu của chị T cần được chấp nhận vì tình cảm vợ chồng lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T, anh P trình bày đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Dương Hải Đ, sinh ngày 08/7/2022, đến thời điểm xét xử sơ thẩm 10 tháng 10 ngày tuổi cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của

người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, còn anh P không có ý kiến gì. Xét thấy đề nghị của chị T là phù hợp vì căn cứ vào thu nhập thực tế của anh P và nhu cầu thiết yếu của con nên cần chấp nhận.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Dương Đình P là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh P đều xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273; khoản 2 Điều 482, khoản 2 Điều 485 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Dương Đình P.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Hải Đ, sinh ngày 08/7/2022 đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Đình P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Hải Đ cho chị Trương Thị T 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh P là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003169 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh Dương Đình P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

